TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN VŨ THƯ** **TỈNH THÁI BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số 58/2024/HNGĐ-ST
Ngày 06/12/2024
V/v tranh chấp Hôn nhân và gia đình.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VŨ THƯ - TỈNH THÁI BÌNH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Hà Toàn Thắng.

***- Hội thẩm nhân dân*:** Ông Phạm Đức Hiển, ông Đoàn Minh Hải.

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thị Tho.

- Đại diện VKSND huyệnVũ Thư: Bà Lê Thị Huyền Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 12 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Vũ Thư, xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số 108/2024/TLST - HNGĐ ngày 13 tháng 8 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 57/2024/QĐXX-HNGĐ ngày 12 tháng 11 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 45/2024/QĐST-HNGĐ ngày 28 tháng 11 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Mai T**, sinh năm 1996.

Địa chỉ: Tập thể Z176K, G, thành phố H. (xin vắng mặt).

- Bị đơn: Anh **Nguyễn Đắc N**, sinh năm 1993.

Địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện V, tỉnh T (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trình bày của nguyên đơn (Chị Nguyễn Mai T) trong quá trình giải quyết vụ án:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Mai T kết hôn với anh Nguyễn Đắc N, do tự nguyện tìm hiểu, tự nguyện kết hôn có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện V, tỉnh T ngày 18/01/2021. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống với nhau được khoảng 02 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chủ yếu là do vợ chồng bất đồng quan điểm, và do quan niệm sống và cách nhìn nhận cuộc sống không phù hợp, mặc dù đã rất cố gắng, hai bên gia đình cũng đã can thiệp nhưng chị T không kiềm chế được bức xúc, tình cảm vợ chồng không còn. Vợ chồng đã ly thân từ năm 2023 đến nay và chị T xác định tình cảm vợ chồng không còn nên xin được ly hôn anh N.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Nguyễn Đắc Hoài A, sinh ngày 01/9/2022, hiện đang ở với chị T. Ly hôn chị T xin nuôi con và không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn anh Nguyễn Đắc N không đến Tòa án để trình bày, mặc dù anh đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án.

Tại biên bản ghi lời khai của ông Nguyễn Đắc N1, sinh năm 1959, trú tại thôn T, xã T, huyện V, tỉnh T (là bố đẻ anh N) đã trình bày như sau:

Chị Nguyễn Mai T kết hôn với anh Nguyễn Đắc N, do tự nguyện tìm hiểu, tự nguyện kết hôn có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện V, tỉnh T ngày 18/01/2021. Sau khi kết hôn vợ chồng chỉ ở nhà ông được hơn 01 tuần, sau đó vợ chồng đi làm ở H, vợ chồng thuê nhà tại G, thành phố H, vợ chồng thỉnh thoảng vẫn về nhà ông, chị T không chuyển khẩu về nhà ông, còn anh N vẫn đăng ký hộ khẩu tại xã T, huyện V, tỉnh T, không chuyển khẩu đi đâu, không đăng ký tạm vắng, tạm trú tại đâu. Vợ chồng chung sống và mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm, không hợp tính nết, chị T trong bất cứ việc gì đều muốn anh N phải nghe theo ý của chị T, nếu không đồng quan điểm thì vợ chồng lại mâu thuẫn, hai bên gia đình cũng khuyên bảo nhưng chị T không có ý kiến gì. Nay chị T có đơn xin ly hôn anh N thì gia đình ông mong muốn cho anh chị đoàn tụ, nhưng việc quyết định là do anh chị vì gia đình ông đã khuyên bảo nhiều lần. Ông đã nhận thay cho anh N các tài liệu Tòa án gửi cho anh N và ông đều giao lại đầy đủ cho anh N.

Về con chung: Chị T và anh N có 01 con chung là Nguyễn Đắc Hoài A, sinh ngày 01/9/2022. Về việc giao nuôi con đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật vì hiện tại cháu còn nhỏ dưới 3 tuổi.

Về tài sản: Anh N và chị T không có tài sản gì.

Tại biên bản xác minh UBND xã T, huyện V, tỉnh T đã cung cấp như sau:

Chị Nguyễn Mai T kết hôn với anh Nguyễn Đắc N, do tự nguyện tìm hiểu, tự nguyện kết hôn có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện V, tỉnh T ngày 18/01/2021. Sau khi kết hôn anh chị chỉ chung sống tại xã T khoảng hơn 01 tuần, sau đó cả hai đi làm ở H, chỉ thỉnh thoảng mới về nhà ông Nguyễn Đắc N1 là bố đẻ anh N, chị T không chuyển khẩu về nhà chồng tại xã T, còn anh N vẫn đăng ký hộ khẩu chung với gia đình bố đẻ là ông Nguyễn Đắc N tại xã T, huyện V, tỉnh T. Từ khi kết hôn đến nay anh N vẫn đăng ký hộ khẩu tại xã T, huyện V, tỉnh T không chuyển khẩu đi nơi khác, không đăng ký tạm vắng, tạm trú tại nơi khác.

Về mâu thuẫn của chị T và anh N theo gia đình anh N là do vợ chồng bất đồng quan điểm, không hợp tính nết, chị T trong bất cứ việc gì đều muốn anh N phải nghe theo ý của chị T, nên dẫn đến bất đồng quan điểm và mâu thuẫn. Nay chị T có đơn xin ly hôn anh N thì đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Chị T và anh N có 01 con chung là Nguyễn Đắc Hoài A, sinh ngày 01/9/2022. Về việc giao nuôi con đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật .

Về tài sản: Chị T và anh N không có tài sản tại địa phương xã T, huyện V, tỉnh T.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vũ Thư phát biểu tại phiên toà về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử và người tham gia tố tụng:

Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Đối với nguyên đơn: Đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Đối với bị đơn: Không chấp hành các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung đại diệnViện kiểm sát đề nghị hướng giải quyết vụ án:

Căn cứ vào Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình. Điều 228, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 24, 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Đề nghị:

- Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Mai T được ly hôn anh Nguyễn Đắc N.

- Về con chung: Xử giao cho chị Nguyễn Mai T trực tiếp nuôi con chung là Nguyễn Đắc Hoài A, sinh ngày 01/9/2022, chấp nhận việc chị T không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản: Chị T không yêu cầu, anh N chưa có ý kiến trình bày, vì vậy không đặt ra giải quyết trong vụ án này. Các đương sự có quyền yêu cầu chia tài sản sau khi ly hôn theo quy định của pháp luật.

- Về án phí: Chị T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Chị T có đơn khởi kiện xin ly hôn đối với anh N cư trú tại xã T, huyện V, tỉnh T. Theo quy định tại điểm a khoản 1 điều 35 và điểm a khoản 1 điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Vũ Thư.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Mai T kết hôn với anh Nguyễn Đắc N, do tự nguyện tìm hiểu, tự nguyện kết hôn có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện V, tỉnh T ngày 18/01/2021 là hôn nhân hợp pháp.

Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống với nhau được khoảng 02 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chủ yếu là do vợ chồng bất đồng quan điểm, và do quan niệm sống và cách nhìn nhận cuộc sống không phù hợp, mặc dù đã rất cố gắng, hai bên gia đình cũng đã can thiệp nhưng chị T không kiềm chế được bức xúc, tình cảm vợ chồng không còn. Vợ chồng đã ly thân từ năm 2023 đến nay.

Xét mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, không có khả năng đoàn tụ. Vì vậy cần xử cho chị T được ly hôn anh N là phù hợp quy định của luật hôn nhân gia đình.

[3] Về con chung: Xét thấy chị T và anh N có 01 con chung là Nguyễn Đắc Hoài A sinh ngày 01/9/2022, hiện đang ở với chị T. Cháu Nguyễn Đắc Hoài A hiện còn nhỏ, dưới 3 tuổi nên sẽ thuận lợi hơn nếu ở với mẹ. Xét thấy chị T có điều kiện chăm sóc về mọi mặt cho con chung tốt hơn. Vì vậy để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con chung cần giao cho chị T trực tiếp nuôi con chung Nguyễn Đắc Hoài A, sinh ngày 01/9/2022, chấp nhận sự tự nguyện của chị T không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con chung.

[4] Về tài sản: Xét thấy chị T không yêu cầu, anh N chưa có ý kiến trình bày, vì vậy không đặt ra giải quyết trong vụ án này. Các đương sự có quyền yêu cầu chia tài sản sau khi ly hôn theo quy định của pháp luật.

[5] Về án phí: Chị T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình. Điều 147; Điều 228; Điều 235; Điều 266; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự. Điều 24, 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1/ Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Mai T được ly hôn anh Nguyễn Đắc N.

2/ Về quan hệ con chung: Xử giao cho chị Nguyễn Mai T trực tiếp nuôi con chung là Nguyễn Đắc Hoài A, sinh ngày 01/9/2022, chấp nhận việc chị T không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con.

Anh N có quyền thăm nom chăm sóc con chung theo quy định của pháp luật. Chị T và anh N có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung, yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

3/ Về quan hệ tài sản: Không đặt ra giải quyết. Các đương sự có quyền yêu cầu chia tài sản sau khi ly hôn theo quy định của pháp luật.

4/ Về án phí: Chị Nguyễn Mai T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm (Chị Nguyễn Mai T đã nộp 300.000 đồng tạm ứng án phí tại biên lai số 0001721 ngày 13/8/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện V).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5/ Về quyền kháng cáo:

- Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- *VKSND huyện V;*
- *Các đương sự;*
- *Chi cục THA huyện V;*
- *UBND xã T, huyện V;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà
(Đã ký)

Hà Toàn Thắng